

Số: /KH-SKHCN

Đắk Nông, ngày tháng 10 năm 2023

KẾ HOẠCH

Kiểm tra nhà nước về Đo lường đối với phương tiện đo Nhóm 2 trong sử dụng, kinh doanh, mua, bán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông

Căn cứ Quyết định số 24/2021/QĐ-UBND ngày 28 tháng 12 năm 2021 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Khoa học và Công nghệ; Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 10 tháng 5 năm 2022 của UBND tỉnh Đắk Nông về việc Quy định cơ cấu tổ chức của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông;

Căn cứ Quyết định số 01/QĐ-SKHCN ngày 06 tháng 01 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh phân bổ dự toán thu, chi ngân sách nhà nước năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 189/QĐ-SKHCN ngày 25 tháng 12 năm 2022 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông về việc phê duyệt Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023;

Căn cứ Quyết định số 51/QĐ-SKHCN ngày 25 tháng 4 năm 2023 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông về việc điều chỉnh Kế hoạch thanh tra, kiểm tra năm 2023;

Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông xây dựng kế hoạch Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo Nhóm 2 trong sử dụng, kinh doanh, mua, bán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông, như sau:

1. Mục đích, yêu cầu

- Nhằm tăng cường công tác quản lý nhà nước về tiêu chuẩn, đo lường, chất lượng sản phẩm, hàng hoá trên địa bàn tỉnh; phát hiện kịp thời và xử lý nghiêm các hành vi, vi phạm pháp luật về đo lường, bảo đảm sự công bằng, bảo vệ quyền lợi ích, hợp pháp của người tiêu dùng và các tổ chức, cá nhân;

- Nâng cao việc chấp hành các quy định của pháp luật về đo lường đối với các tổ chức, cá nhân sử dụng phương tiện đo nhóm 2 trên địa bàn tỉnh;

- Kiểm tra có trọng tâm, trọng điểm, đúng các quy định của pháp luật công minh, khách quan, chính xác và kịp thời. Nghiêm cấm mọi hành vi lợi dụng quyền kiểm tra để sách nhiễu, gây khó khăn, phiền hà đối với tổ chức, cá nhân hoạt động sản, xuất kinh doanh.

2. Căn cứ kiểm tra

- Luật Đo lường số 04/2011/QH13 ngày 11 tháng 11 năm 2011 của Quốc hội;

- Nghị định số 86/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Đo lường;

- Nghị định số 13/2022/NĐ-CP ngày 21 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 132/2008/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2008, Nghị định số 74/2018/NĐ-CP ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều Luật chất lượng sản phẩm, hàng hoá và Nghị định số 86/2012/NĐ-CP ngày 19 tháng 10 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều Luật Đo lường;

- Thông tư số 28/2013/TT-BKHCN ngày 17 tháng 12 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định kiểm tra nhà nước về Đo lường;

- Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo Nhóm 2;

- Thông tư số 10/2022/TT-BKHCN ngày 28 tháng 7 năm 2022 của Bộ Khoa học và Công nghệ về sửa đổi bổ sung thông tư số 23/2013/TT-BKHCN;

- Thông tư số 24/2013/TT-BKHCN ngày 30 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về hoạt động kiểm định, hiệu chuẩn, thử nghiệm phương tiện đo chuẩn đo lường;

- Thông tư số 07/2019/TT-BKHCN ngày 26 tháng 7 năm 2019 của Bộ Khoa học và Công nghệ sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 23/2013/TT-BKHCN ngày 26 tháng 9 năm 2013 của Bộ Khoa học và Công nghệ quy định về đo lường đối với phương tiện đo Nhóm 2;

- Các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan và tài liệu kèm theo.

3. Đối tượng, nội dung kiểm tra

3.1. Đối tượng kiểm tra

Phương tiện đo Nhóm 2 trong sử dụng, kinh doanh, mua, bán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông.

3.2. Nội dung kiểm tra

- Kiểm tra phương tiện đo Nhóm 2, gồm:

+ Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với quy định về việc phê duyệt mẫu, kiểm định, hiệu chuẩn theo quy định;

+ Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với quy định về thể hiện yêu cầu kỹ thuật đo lường cơ bản trên phương tiện đo hoặc trên nhãn hàng hóa, tài liệu kèm theo;

+ Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với điều kiện về vận chuyển, bảo quản, lưu giữ;

+ Kiểm tra sự phù hợp của phương tiện đo với yêu cầu kỹ thuật đo lường do cơ sở sản xuất, nhập khẩu công bố (đối với phương tiện đo Nhóm 1) hoặc do

Tổng cục Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng ban hành (đối với phương tiện đo Nhóm 2).

- Nội dung kiểm tra đối với phép đo, gồm:
 - + Kiểm tra, xác định sự phù hợp của phương tiện đo, phương pháp đo đã sử dụng và điều kiện đo với yêu cầu kỹ thuật đo lường (nếu có);
 - + Kiểm tra chứng chỉ đào tạo theo quy định đối với người thực hiện phép đo (nếu có);
 - + Kiểm tra sai số của kết quả phép đo so với giới hạn sai số cho phép;
 - + Giới hạn sai số cho phép của kết quả phép đo được xác định trên cơ sở sai số cho phép lớn nhất của phương tiện đo được sử dụng để thực hiện phép đo.

4. Phương thức kiểm tra

- Kiểm tra nhà nước về đo lường được tổ chức thực hiện theo phương thức Đoàn kiểm tra;
- Đoàn kiểm tra do Lãnh đạo cơ quan thực hiện kiểm tra thành lập trong quyết định kiểm tra nhà nước về Đo lường;
- Trưởng đoàn là cán bộ quản lý thuộc cơ quan thực hiện kiểm tra. Trưởng đoàn kiểm tra chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện nhiệm vụ của Đoàn; phân công trách nhiệm cụ thể cho từng thành viên; chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra; tổ chức thực hiện lập biên bản kiểm tra hoặc biên bản vi phạm hành chính theo quy định; thông qua hồ sơ, biên bản để trình cơ quan ra quyết định kiểm tra, chuyển cho cơ quan, người có thẩm quyền xử lý theo quy định của pháp luật;
- Thành viên đoàn kiểm tra thực hiện nhiệm vụ theo phân công của Trưởng đoàn kiểm tra, chịu trách nhiệm về kết quả kiểm tra, xử lý theo phân công và quy định của pháp luật;
- Thành phần đoàn kiểm tra gồm 05 người: Lãnh đạo, Chuyên viên phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng: 04 người; Văn phòng Sở: 01 người (lái xe).

5. Chế độ kiểm tra: Theo kế hoạch đã phê duyệt.

6. Thời gian triển khai thực hiện: Từ tháng 11 đến tháng 12 năm 2023.

7. Phương tiện, kinh phí thực hiện

7.1. Phương tiện:

- Sử dụng xe công vụ;
- Sử dụng bộ quả chuẩn M1, F2.

7.2. Kinh phí

- Sử dụng nguồn kinh phí sự nghiệp khoa học công nghệ năm 2023;
- Dự trù kinh phí: 38.250.000 đồng (*Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*).

(Chi tiết có Phụ lục kèm theo).

8. Tổ chức thực hiện

8.1. Phòng Quản lý Tiêu chuẩn Đo lường Chất lượng

- Tổ chức triển khai thực hiện Kế hoạch công tác kiểm tra; chuẩn bị tài liệu, nội dung kiểm tra;
- Tổng hợp, báo cáo kết quả kiểm tra sau khi kết thúc hoặc khi có yêu cầu đột xuất.

8.2. Văn phòng Sở

- Bố trí kinh phí, phương tiện, lái xe phục vụ đoàn kiểm tra;
- Công khai Kế hoạch kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo nhóm 2 trong sử dụng, kinh doanh, mua, bán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông trên trang website của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông.

8.3. Trung tâm Thông tin, Kỹ thuật và Ứng dụng khoa học công nghệ

Bố trí bộ quả chuẩn M1 để xác định sai số phương tiện đo là Cân thông dụng các loại theo yêu cầu của đoàn kiểm tra.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm tra nhà nước về đo lường đối với phương tiện đo Nhóm 2 trong sử dụng, kinh doanh, mua, bán trên địa bàn tỉnh Đắk Nông. Trong quá trình thực hiện, nếu phát sinh vướng mắc thì báo cáo với Lãnh đạo Sở để kịp thời xử lý./.

Nơi nhận:

- GD, các PGD Sở;
- Văn phòng Sở;
- Trung tâm TTKTUDKHCN;
- Lưu: VT, TĐC.

**KT.GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC**

Lưu Văn Đặng

Phụ lục:

Kinh phí thực hiện kiểm tra
*(Kèm theo Kế hoạch số: /KH-SKH-CN ngày tháng năm 2023
 của Sở Khoa học và Công nghệ tỉnh Đắk Nông)*

TT	Nội dung	Kinh phí (VNĐ)	Ghi chú
1	Phụ cấp lưu trú (05 người x 19 ngày x150.000 đồng/ngày/01 người)	14.250.000	
2	Phòng nghỉ theo mức khoán (05 người x15 đêm x 200.000 đồng/đêm)	15.000.000	
3	Nhiên liệu xăng dầu: Dự kiến	9.000.000	
Tổng kinh phí		38.250.000	

Số tiền bằng chữ: *Ba mươi tám triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn*